Họ tên hoc sinh:…… - Lớp: **4/1**

ÔN TẬP TOÁN CUỐI TUẦN 12

Bài 1: Viết số thích hợp vào ô trống:

a/ Một triệu sáu trăm năm mươi nghìn ba trăm mười hai: …….

b/ Mười triệu một trăm ba mươi hai nghìn không trăm tám mươi: …….

c/ Năm trăm chín mươi triệu sáu trăm linh ba nghìn tám trăm mười: …….

d/ Hai mươi triệu năm mươi nghìn bốn trăm bảy mươi hai: …….

Bài 2: Chọn đáp án phù hợp để điền vào chỗ chấm:

a/ 10 2**6**1 350: chữ số 6 thuộc **hàng** ……. ; **lớp** nghìn

b/ 32 045 **6**12: chữ số 6 thuộc **hàng** trăm ; **lớp** …….

c/ 2**6** 350 045: chữ số 6 thuộc **hàng** ……. ; **lớp** …….

d/ 5 **6**28 510: chữ số 6 thuộc **hàng** ……. ; **lớp** …….

Bài 3: Kéo số thích hợp vào ô trống:

2 000 000 **2 000** **20 000** **20**

Số	15 210 560	62 703 510	40 702 165	14 670 325	14 826 134
Giá trị của chữ số 2	200 000	……..	……..	……..	……..

Bài 4: Tích chọn đáp án đúng nhất:

a/ Trong số **190 376 245**, các chữ số thuộc **lớp nghìn** là:

☐ A. 1 ; 9 ; 0 ☐ B. 3 ; 7 ; 6 ☐ C. 2 ; 4 ; 5 ☐ D. 1 ; 3 ; 2

b/ Trong số **742 360 815**, các chữ số thuộc **lớp triệu** là:

☐ A. 7 ; 4 ; 2 ☐ B. 3 ; 6 ; 0 ☐ C. 8 ; 1 ; 5 ☐ D. 7 ; 3 ; 8

LIVEWORKSHEETS

Bài 5: Kéo số thích hợp vào chỗ chấm:

1 000 000	100 000	10 000	100

a/ 8 120 304 = 8 000 000 + …… + 20 000 + 300 +4

b/ 9 240 150 = 9 000 000 + 200 000 + 40 000 + …… + 50

c/ 50 019 420 = 50 000 000 + …… + 9000 + 400 + 20

d/ 61 078 003 = 60 000 000 + …… + 70 000 + 8000 + 3

Bài 6: Điền dấu > , < , = thích hợp vào ô trống:

a/ 718 923 ☐ 781 923

b/ 804 031 ☐ 800000 + 4000 + 30 +1

c/ 10 250 340 ☐ 10 + 250 000 + 340

d/ 10 210 000 ☐ 1 000 000 + 210 000

Bài 7: Nối cột A (số) với cột B (cách đọc số đó):

SỐ	ĐỌC SỐ
8 240 370	Tám triệu hai trăm linh bốn nghìn không trăm ba mươi bảy
8 204 370	Tám triệu hai trăm bốn mươi nghìn bảy trăm ba mươi
8 204 073	Tám triệu hai trăm bốn mươi nghìn ba trăm bảy mươi
8 240 730	Tám triệu hai mươi bốn nghìn không trăm ba mươi bảy
8 204 037	Tám triệu hai trăm linh bốn nghìn ba trăm bảy mươi
8 024 037	Tám triệu hai trăm linh bốn nghìn không trăm bảy mươi ba

Bài 8: Viết số thích hợp vào ô trống cho thích hợp:

3 m^2 = …….. dm^2

20 m^2 = …….. dm^2

12 m^2 8 dm^2 = …….. dm^2

5 m^2 14 dm^2 = …….. dm^2

4000 dm^2 = …….. m^2

1800 dm^2 = …… m^2

LIVEWORKSHEETS